

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG QUANG

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
(ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ)

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 25/05/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đông Quang)

TT	Họ và tên	Giới tính	Tháng, năm sinh	Chức vụ/Chức danh	Hệ số	Phụ cấp hiện hưởng (1000 đồng)	Thời gian bắt đầu công tác ở chức danh NHDKCT ở cấp xã	Thời điểm nghỉ	Tuổi khi nghỉ việc		Tuổi nghỉ hưu theo ND 135		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác		Tổng thời gian công tác			Các khoản trợ cấp được hưởng			Tổng số tiền trợ cấp được hưởng (1000 đồng)
									Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Làm tròn	Trợ cấp 1 lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp để tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24 = 21+22+23
	Tổng cộng																						5.534.311
I	Trường hợp dưới 05 năm công tác (Quy định tại điểm a, khoản 1, điều 9, NĐ 154)																						
1	Nguyễn Thị Hào	Nữ	26/5/1986	PCT HLHPN xã Đông Quang cũ	0,9	2.106	8/01/2024	01/07/2025	39	1			1	6			1	6	1,5	30.326	4.739	6.318	41.383
2	Lê Thị Mai	Nữ	25/8/1993	PCT HLHPN xã Đông Phú cũ	0,9	2.106	5/10/2020	01/07/2025	31	10			4	9			4	9	5,0	96.034	15.795	6.318	118.147
3	Lê Thị Tuyền	Nữ	15/11/1989	PCT HLHPN xã Đông Yên cũ	0,9	2.106	10/2020	01/07/2025	35	7			4	9			4	9	5,0	96.034	15.795	6.318	118.147
4	Hoàng Thị Vi	Nữ	30/9/2000	PCT HLHPN xã Đông Nam cũ	0,9	2.106	10/5/2023	01/07/2025	24	9			2	2			2	2	2,5	43.805	7.898	6.318	58.020
5	Bùi Thị Hiền	Nữ	02/07/1990	PCT MTTQ xã Đông Phú cũ	0,9	2.106	04/02/2021	01/07/2025	34	11			4	5			4	5	4,5	89.294	14.216	6.318	109.828
6	Trịnh Thị Thùy	Nữ	10/9/1991	PBT Đoàn xã Đông Vinh cũ	0,9	2.106	4/12/2024	01/07/2025	33	9			0	7			0	7	1,0	11.794	3.159	6.318	21.271
7	Lê Thị Huyền	Nữ	12/9/1997	PBT Đoàn xã Đông Phú cũ	0,9	2.106	30/10/2020	01/07/2025	27	9			4	8			4	8	5,0	94.349	15.795	6.318	116.462
8	Phạm Đặng Huyền Trang	Nữ	15/8/1999	PBT Đoàn phường An Hưng cũ	1,0	2.340	22/4/2024	01/07/2025	25	10			1	2			1	2	1,5	26.208	5.265	7.020	38.493
9	Phạm Thị Dung	Nữ	15/9/2000	PBT Đoàn xã Đông Yên cũ	0,9	2.106	10/4/2024	01/07/2025	24	9			1	3			1	3	1,5	25.272	4.739	6.318	36.329
10	Lê Duy Sơn	Nam	15/12/1966	PCT Hội CCB xã Đông Quang cũ	0,9	2.106	01/05/2022	01/07/2025	58	6			3	2			3	2	3,5	64.022	11.057	6.318	81.397
11	Trần Xuân Công	Nam	19/5/1992	Phó chỉ huy trưởng quân sự xã Đông Văn cũ	1,2	2.808	01/4/2023	01/07/2025	33	1			2	3			2	3	2,5	60.653	10.530	8.424	79.607
12	Lê Đình Long	Nam	19/11/1996	Phó chỉ huy trưởng quân sự phường An Hưng cũ	1,3	3.042	17/9/2024	01/07/2025	28	7			0	9			0	9	1,0	21.902	4.563	9.126	35.591
13	Trịnh Thanh Tiến	Nam	6/01/1990	Văn thư - Lưu trữ - thủ quỹ phường An Hưng cũ hỗ trợ trung tâm cung ứng dịch vụ công	1,0	2.340	9/12/2024	01/6/2026	36	4			1	7			1	7	2,0	35.568	7.020	7.020	49.608

14	Trương Minh Ngọc	Nam	4/12/1979	Nhân viên kiểm tra quy tắc đô thị phường Quảng Thắng cũ hỗ trợ trung tâm cung ứng dịch vụ công phường Đông Quang	0,9	2.106	15/11/2024	01/6/2026	46	5			1	8			1	8	2,0	33.696	6.318	6.318	46.332
II	Trường hợp đủ 05 công tác trở lên và tuổi đời dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu (quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9, ND 154)																						
1	Trần Thị Tâm	Nữ	03/03/1969	PCT Hội CCB phường Quảng Thắng cũ	0,9	2.106	15/9/2016	01/07/2025	56	3	56	8	8	10			8	10	9,0	8.424	28.431	6.318	43.173
2	Nguyễn Chí Định	Nam	12/10/1967	Phó chỉ huy trưởng quân sự xã Đông Phú cũ	1,2	2.808	01/3/2010	01/07/2025	57	9	62	0	15	4	2	7	17	11	18,0	114.566	75.816	8.424	198.806
3	Nguyễn Thị Ngà	Nữ	7/12/1970	Văn hóa - xã hội - thông tin - truyền thông xã Đông Yên cũ	0,9	2.106	01/6/2014	01/07/2025	54	6	57	8	11	1			11	1	11,5	64.022	36.329	6.318	106.669
4	Nguyễn Văn Hùng	Nam	11/5/1965	Nhân viên kiểm tra quy tắc phường An Hưng cũ	1,0	2.340	31/12/2006	01/07/2025	60	1	61	6	6	7			6	7	7,0	31.824	24.570	7.020	63.414
III	Trường hợp đủ 05 năm công tác trở lên và tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (quy định tại điểm c, khoản 1, điều 9, ND 154)																						
1	Mai Thi Hương	Nữ	7/03/1992	PCT HLHPN xã Đông Vĩnh cũ	0,9	2.106	15/7/2013	01/07/2025	33	3			12	0			12	0	12,0	101.088	37.908	6.318	145.314
2	Thiều Thị Lan	Nữ	15/8/1973	PCT HLHPN xã Đông Nam cũ	0,9	2.106	29/06/2010	01/07/2025	51	10			15	0			15	0	15,0	101.088	47.385	6.318	154.791
3	Ngô Thị Huyền	Nữ	27/9/1984	PCT HLHPN phường An Hưng cũ	1,0	2.340	09/05/2016	01/07/2025	40	9			9	2			9	2	9,5	112.320	33.345	7.020	152.685
4	Lê Văn Hùng	Nam	27/12/1978	PCT MTTQ xã Đông Yên cũ	0,9	2.106	01/3/2010	01/07/2025	46	6			15	4			15	4	15,5	101.088	48.965	6.318	156.371
5	Nguyễn Thị Huế	Nữ	15/3/1988	PCT MTTQ xã Đông Quang cũ	0,9	2.106	15/05/2020	01/07/2025	37	3			5	2			5	2	5,5	101.088	17.375	6.318	124.781
6	Lê Thị Phương	Nữ	20/6/1991	PCT MTTQ xã Đông Văn cũ	0,9	2.106	26/11/2018	01/07/2025	34	0			6	7			6	7	7,0	101.088	22.113	6.318	129.519
7	Trịnh Thị Nhung	Nữ	5/12/1996	PBT Đoàn xã Đông Nam cũ	0,9	2.106	11/5/2020	01/07/2025	28	6			5	2			5	2	5,5	101.088	17.375	6.318	124.781
8	Phạm Thị Ngọc Diệp	Nữ	17/9/1989	PBT Đoàn phường Quảng Thắng cũ	0,9	2.106	26/4/2017	01/07/2025	35	9			8	2			8	2	8,5	101.088	26.852	6.318	134.258
9	Nguyễn Thị Tú	Nữ	8/7/1997	PBT Đoàn xã Đông Quang cũ	0,9	2.106	25/5/2020	01/07/2025	27	11			5	1			5	1	5,5	101.088	17.375	6.318	124.781
10	Trịnh Thị Quỳnh	Nữ	17/8/1986	PCT Hội Nông dân xã Đông Quang cũ	0,9	2.106	6/10/2016	01/07/2025	38	10			8	9			8	9	9,0	101.088	28.431	6.318	135.837
11	Nguyễn Tài Côn	Nam	26/6/1979	PCT Hội Nông dân xã Đông Văn cũ	0,9	2.106	4/4/2018	01/07/2025	46	0			7	3			7	3	7,5	101.088	23.693	6.318	131.099
12	Trần Văn Hanh	Nam	10/9/1970	PCT Hội Nông dân xã Đông Nam cũ	0,9	2.106	10/5/2012	01/07/2025	54	9			13	2			13	2	13,5	101.088	42.647	6.318	150.053
13	Nguyễn Văn Hữu	Nam	12/8/1978	Phó chỉ huy quân sự xã Đông Nam cũ	1,2	2.808	01/3/2010	01/07/2025	46	10			15	4			15	4	15,5	134.784	65.286	8.424	208.494
14	Lê Đình Thắng	Nam	12/12/1985	Phó chỉ huy quân sự phường Quảng Thắng cũ	1,2	2.808	18/03/2014	01/07/2025	39	6			11	3			11	3	11,5	134.784	48.438	8.424	191.646
15	Đàm Quang Thái	Nam	20/4/1997	Phó chỉ huy quân sự xã Đông Quang cũ	1,2	2.808	10/10/2018	01/07/2025	28	2			6	9			6	9	7,0	134.784	29.484	8.424	172.692
16	Nguyễn Hữu Bình	Nam	15/01/1981	Phó chỉ huy quân sự xã Đông Vĩnh cũ	1,2	2.808	01/03/2010	01/07/2025	44	5			15	4			15	4	15,5	134.784	65.286	8.424	208.494

17	Nguyễn Hùng	Nam	12/08/1982	Phó chỉ huy quân sự xã Đông Yên cũ	1,2	2.808	01/3/2010	01/07/2025	42	10			15	4			15	4	15,5	134.784	65.286	8.424	208.494
18	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	10/02/1970	Văn hóa - xã hội - thông tin - truyền thông phường An Hưng cũ	1,0	2.340	26/12/2013	01/07/2025	55	4			11	6			11	6	11,5	112.320	40.365	7.020	159.705
19	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	19/11/1983	Nhân viên thú y xã Đông Nam cũ	1,0	2.340	01/12/2011	01/07/2025	41	7			13	7			13	7	14,0	112.320	49.140	7.020	168.480
20	Nguyễn Văn Minh	Nam	15/7/1980	Nhân viên thú y xã Đông Yên cũ	1,0	2.340	01/9/2017	01/07/2025	44	11			7	10			7	10	8,0	112.320	28.080	7.020	147.420
21	Hạ Thị Tám	Nữ	18/02/1973	Văn hóa - xã hội - thông tin - truyền thông xã Đông Văn cũ	0,9	2.106	20/8/2008	01/07/2025	52	4	58	8	16	6			16	6	16,5	101.088	52.124	6.318	159.530
22	Nguyễn Hữu Hoàn	Nam	24/4/1988	Văn thư - Lưu trữ - thủ quỹ xã Đông Yên cũ	0,9	2.106	01/08/2017	01/07/2025	37	2			7	11			7	11	8,0	101.088	25.272	6.318	132.678
23	Lê Thị Bình	Nữ	4/11/1989	Văn thư - Lưu trữ - thủ quỹ xã Đông Nam cũ	0,9	2.106	01/6/2015	01/07/2025	35	7			10	1			10	1	10,5	101.088	33.170	6.318	140.576
24	Lê Thị Hiền	Nữ	16/02/1987	Văn hóa - xã hội - thông tin - truyền thông xã Đông Nam cũ	0,9	2.106	05/10/2011	01/07/2025	38	4			13	9			13	9	14,0	101.088	44.226	6.318	151.632
25	Hoàng Thị Thu Thanh	Nữ	31/5/1972	Văn thư - Lưu trữ - thủ quỹ phường Quảng Thắng cũ	0,9	2.106	10/7/2017	01/07/2025	53	1	58	4	8	0			8	0	8,0	101.088	25.272	6.318	132.678
26	Nguyễn Thành Chung	Nam	10/10/1972	Văn thư - Lưu trữ - thủ quỹ xã Đông Quang cũ	0,9	2106	10/05/2020	01/07/2025	52	7	62	0	5	2			5	2	5,5	101.088	17.375	6.318	124.781
IV	Người hoạt động không chuyên trách đã đủ tuổi nghỉ hưu, hưởng hưu trí, mất sức lao động (quy định tại khoản 3, điều 9, NĐ 154)																						
1	Lưu Quang Hòa	Nam	3/8/1962	PCT Hội CCB phường An Hưng cũ	1,0	2.340	25/05/2022	01/07/2025	63	10			3	1			3	1	3,5	35.100			35.100
2	Nguyễn Văn Thắng	Nam	01/8/1961	PCT Hội CCB xã Đông Văn cũ	0,9	2.106	25/05/2022	01/07/2025	63	10			3	5			3	5	3,5	31.590			31.590
3	Hoàng Quang Trường	Nam	05/12/1954	PCT Hội CCB xã Đông Vinh cũ	0,9	2.106	17/08/2020	01/07/2025	70	6			4	10			4	10	5,0	31.590			31.590
4	Đàm Ngọc Thực	Nam	25/12/1956	Văn hóa - xã hội - thông tin - truyền thông phường Quảng Thắng cũ	0,9	2.106	27/08/2020	01/07/2025	68	6			4	10			4	10	5,0	31.590			31.590
5	Nguyễn Khắc Cương	Nam	20/10/1958	Nhân viên thú y xã Đông Quang cũ	1,0	2.340	11/05/2020	01/07/2025	66	8			5	2			5	2	5,5	35.100			35.100
6	Trịnh Thị Nam	Nữ	05/05/1956	Nhân viên thú y xã Đông Vinh cũ	1,0	2.340	14/04/2023	01/07/2025	69	1			2	3			2	3	2,5	35.100			35.100

(Danh sách này có 50 người)